

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 955/2023/HSPT

Ngày: 18/12/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Xuân Thảo;

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Mạnh Hùng;

Ông Nguyễn Xuân Phách.

Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Ngọc Chuyên, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Ngọc Vỹ, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 18 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm, công khai, vụ án hình sự thụ lý số 1204/2023/TLPT-HS ngày 26 tháng 10 năm 2023 đối với bị cáo Nguyễn Thị Phương L do có kháng cáo của những bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 422/2023/HS-ST ngày 15 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

*** Bị cáo bị kháng cáo:**

Nguyễn Thị Phương L, sinh năm 1978; Đăng ký thường trú: Số nhà 05, ngách 42/177, phố TL, phường TL, quận HM, thành phố Hà Nội; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Giới tính: Nữ; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn N; Con bà Lương Kim L (Đã chết); Chồng là Nguyễn Toàn Th (Đã ly hôn); Có 02 con, con lớn sinh năm 2006, con nhỏ sinh năm 2010; Tiền án, tiền sự: Không. Bị bắt tạm giam ngày 15/11/2022. Tạm giam tại Trại tạm giam số 1 - Công an thành phố Hà Nội; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Bà Nguyễn Thanh T, Luật sư Công ty luật TNHH MTV Bảo Thiên thuộc Đoàn luật sư Hà Nội; có mặt.

*** Bị hại có kháng cáo:**

- Chị Nguyễn Ngọc M, sinh năm 1989. Trú tại: Thôn DS, xã PC, thành phố TS, tỉnh Bắc Ninh. Nơi ở: P2205 Tòa S2, Chung cư SA phường ML, quận HĐ, thành phố Hà Nội; có mặt.

- Chị Lưu Thanh V, sinh năm 1985. Trú tại: Số 9, ngõ 173, phố HHT, phường NH, quận BĐ, Hà Nội; vắng mặt.

- Chị Hoàng Thị Phương Th, sinh năm 1990. Trú tại: Tổ 28/196 ngõ 72 phố QN, phường TH, quận CG, Hà Nội. Nơi ở: P3020 CT1 Chung cư The Pride, TH, phường LK, quận HĐ, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không kháng cáo nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa phúc thẩm thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2018, Nguyễn Thị Phương L làm Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên An Vạn Lộc (TNHH MTV An Vạn Lộc) có trụ sở tại số nhà 65, tổ 9, phường ML, quận HĐ, Hà Nội chuyên hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực xây dựng, vận tải và du lịch. Trong thời gian này, do điều kiện kinh tế khó khăn nên Công ty của L không có hoạt động kinh doanh. Lợi dụng sự phát triển mạnh mẽ trong lĩnh vực bất động sản của tập đoàn Vingroup trong giai đoạn này, Nguyễn Thị Phương L đã đưa ra các thông tin gian dối, tự giới thiệu với nhiều người là đang làm Giám đốc của Công ty TNHH MTV An Vạn Lộc, Công ty của L đang có nhiều dự án đầu tư bất động sản liên quan đến hệ thống Vingroup với hình thức đầu tư nhanh, lợi nhuận lớn mục đích huy động vốn của nhiều người đầu tư để chiếm đoạt tài sản. Bằng phương thức và thủ đoạn nêu trên, trong khoảng thời gian từ ngày 03/01/2019 đến tháng 7/2019, Nguyễn Thị Phương L đã huy động vốn của 03 người bị hại rồi chiếm đoạt tổng số tiền 10.293.350.000 đồng. Cụ thể như sau:

1. Hành vi chiếm đoạt tiền của chị Nguyễn Ngọc M:

Khoảng tháng 8/2018, do ở cùng tòa nhà S2, chung cư SA, phường ML, quận HĐ, Hà Nội nên chị Nguyễn Ngọc M (Sinh năm 1989) có quan hệ quen biết với Nguyễn Thị Phương L. Qua trao đổi, L giới thiệu với chị M là hiện đang có nhiều dự án đầu tư bất động sản liên quan đến hệ thống Vingroup và đầu tư kinh doanh có lãi nên rủ chị M đầu tư. L đưa ra mức lợi nhuận rất cao, có khoản đầu tư lợi nhuận cao gấp đôi trong thời gian rất ngắn từ khoảng 03 ngày đến 15 ngày. Để tạo lòng tin, tất cả các khoản đầu tư, L đều đưa ra những dự án cụ thể, số tiền góp vốn và mức lợi nhuận cụ thể, đồng thời, cam kết lợi nhuận bằng Biên bản thỏa thuận góp vốn cùng các phụ lục góp vốn cụ thể. Chị Nguyễn Ngọc M tin tưởng nên đã đồng ý góp vốn đầu tư. Ngày 02/01/2019, L và chị M đã ký Biên bản thỏa thuận góp vốn với nội dung: Đầu tư kinh doanh bằng hình thức đầu tư nhanh. Số vốn góp linh động theo từng thời gian kêu gọi góp vốn (Cụ thể sẽ được thể hiện ở từng phụ lục đính kèm từng giai đoạn). Thời hạn góp vốn linh động theo từng thời gian kêu gọi góp vốn (Thể hiện ở phụ lục đính kèm). Kèm theo Biên bản thỏa thuận góp vốn là 05 phụ lục với các nội dung đầu tư kinh doanh lần lượt như sau:

- Phụ lục 01: Góp vốn đầu tư kinh doanh bất động sản khu vực Vincity Gia Lâm. Số vốn góp 400.000.000 đồng, thời gian góp vốn từ ngày 03/01/2019 đến ngày 17/01/2019 với lợi nhuận cam kết là 300.000.000 đồng. Đến ngày

17/01/2019, L phải thanh toán cho chị M tổng cộng là 700.000.000 đồng.

- Phụ lục 02: Góp vốn đầu tư kinh doanh bất động sản khu vực Vincity Gia Lâm. Số vốn góp 700.000.000 đồng, thời gian góp vốn từ ngày 04/01/2019 đến ngày 19/01/2019 với lợi nhuận cam kết là 700.000.000 đồng. Đến ngày 19/01/2019, L phải thanh toán cho chị M tổng cộng là 1.400.000.000 đồng.

- Phụ lục 03: Đầu tư kinh doanh bất động sản khu Shophouse Vin Phú Quốc. Số vốn góp 440.000.000 đồng, thời gian góp vốn từ ngày 08/01/2019 đến ngày 23/01/2019 với lợi nhuận cam kết là 264.000.000 đồng. Đến ngày 19/01/2019, L phải thanh toán cho chị M tổng cộng là 704.000.000 đồng.

- Phụ lục 04: Đầu tư kinh doanh lẻ. Số vốn góp 450.000.000 đồng, thời gian góp vốn từ ngày 09/01/2019 đến ngày 15/01/2019 với lợi nhuận cam kết 54.000.000 đồng. Đến ngày 15/01/2019, L phải thanh toán cho chị M tổng cộng là 504.000.000 đồng.

- Phụ lục 05: Đầu tư kinh doanh lẻ. Số vốn góp 300.000.000 đồng, thời gian góp vốn từ ngày 11/01/2019 đến ngày 16/01/2019 với lợi nhuận cam kết là 5 ngày 54.000.000 đồng. Đến ngày 16/01/2019, L phải thanh toán cho chị M tổng cộng là 354.000.000 đồng.

Từ ngày 03/01/2019 đến ngày 11/01/2019, chị Nguyễn Ngọc M đã chuyển cho Nguyễn Thị Phương L tổng số tiền theo 05 phụ lục là 2.290.000.000 đồng. L cam kết từ ngày 15/01/2019 đến ngày 23/01/2019 sẽ trả cho chị M tổng số tiền 3.662.000.000 đồng bao gồm: 2.290.000.000 đồng tiền gốc và 1.372.000.000 đồng tiền lợi nhuận. Tuy nhiên, trong thời gian nêu trên, L chỉ chuyển cho chị M được tổng cộng 522.000.000 đồng. Do không có tiền để trả chị M nên ngày 16/01/2019, L đã đưa cho chị M 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CM478406 mang tên Nguyễn Thị Phương L đối với thửa đất số 128, tờ bản đồ số 26, ở thôn CM, xã VT, huyện VN, tỉnh Khánh Hòa, có diện tích 300m² để ký biên bản thỏa thuận thế chấp tài sản cho chị M để đảm bảo cho các khoản chị M đã chuyển tiền đầu tư trong 05 phụ lục nêu trên. L nói với chị M thửa đất có giá trị 15.000.000.000 đồng. Chị M tin tưởng L nên không đi xác minh thửa đất mà tiếp tục đầu tư. Trong khoảng thời gian từ ngày 03/01/2019 đến tháng 7/2019, chị M đã nhiều lần chuyển cho L với tổng số tiền là 27.465.300.000 đồng. Trong đó có 890.000.000 đồng, chị M chuyển từ tài khoản số 0351000782071 mở tại Ngân hàng Vietcombank và chuyển số tiền 26.575.300.000 đồng từ tài khoản số 19028171335021 mở tại Ngân hàng Techcombank (Đều mang tên Nguyễn Ngọc M) đến tài khoản số 19031234646668 mang tên Nguyễn Thị Phương L mở tại ngân hàng Techcombank, nội dung chuyển tiền thể hiện góp vốn đầu tư vào các dự án.

Sau khi nhận tiền của chị Nguyễn Ngọc M, Nguyễn Thị Phương L không sử dụng để đầu tư như đã hứa hẹn, mà sử dụng chính dòng tiền này để luân chuyển trả dần cho chị M. Từ ngày 04/01/2019 đến ngày 27/9/2019, L chuyển trả cho chị M tổng số tiền 20.386.000.000 đồng/27.465.300.000 đồng vốn góp. Sau đó, L không còn tiền để tiếp tục trả và thực hiện các cam kết khác với chị M nên ngày 09/10/2019, L và chị M đã ký biên bản xác nhận nợ với nội dung: Nguyễn

Thị Phương L nợ chị M 27.041.000.000 đồng (Bao gồm cả tiền gốc và tiền lợi nhuận cam kết) và phải sang nhượng cho chị M 01 căn hộ diện tích 45m2 tại một trong hai dự án Vincity Gia Lâm hoặc Vin Phú Quốc (Không rõ vị trí, là lợi nhuận L cam kết trả cho chị M khi chị M góp vốn đầu tư vào dự án Vincity Gia Lâm và Vin Phú Quốc).

Sau nhiều lần đòi nợ không thành, ngày 11/11/2019, chị Nguyễn Ngọc M có đơn tố giác Nguyễn Thị Phương L về hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản đến Cơ quan điều tra Công an thành phố Hà Nội.

2. Hành vi chiếm đoạt tiền của chị Lưu Thanh V và chị Hoàng Thị Phương Th:

Cũng trong khoảng thời gian tháng 12/2018, chị Nguyễn Ngọc M giới thiệu chị Lưu Thanh V (Sinh năm 1985) và chị Hoàng Thị Phương Th (Sinh năm 1990) là bạn của chị M với L. Quá trình quen biết, chị V, chị Th biết chị M đang góp vốn đầu tư với L. L nói với chị V và chị Th về các dự án của VinGroup, thầu thuốc của bệnh viện Bạch Mai, thầu thiết bị y tế, thiết bị điện tử...với hình thức góp vốn nhanh và lợi nhuận cao nên chị V và chị Th đã đồng ý góp vốn đầu tư.

Trong khoảng thời gian từ tháng 4/2019 đến tháng 6/2019, chị Hoàng Thị Phương Th sử dụng tài khoản số 0933021990 mang tên Hoàng Thị Phương Th tại Ngân hàng MB Bank chuyển vào tài khoản số 19031234646668 của L tại Ngân hàng Techcombank tổng số tiền 2.327.000.000 đồng; chị Lưu Thanh V sử dụng tài khoản số 0919039275 mang tên Lưu Thanh V tại Ngân hàng MB Bank chuyển vào tài khoản số 19031234646668 của L tại Ngân hàng Techcombank tổng số tiền 5.154.950.000 đồng.

Tương tự như với chị Nguyễn Ngọc M, sau khi nhận tiền của chị Lưu Thanh V và chị Hoàng Thị Phương Th, Nguyễn Thị Phương L không sử dụng để đầu tư như đã hứa hẹn mà sử dụng chính dòng tiền này để luân chuyển trả dần cho chị V, chị Th. Từ ngày 12/4/2019 đến ngày 07/6/2019, Nguyễn Thị Phương L chuyển trả cho chị Hoàng Thị Phương Th 368.000.000 đồng/2.327.000.000 đồng vốn góp. Từ ngày 18/4/2019 đến ngày 03/7/2019, Nguyễn Thị Phương L chuyển trả cho chị Lưu Thanh V là 3.899.900.000 đồng/5.154.950.000 đồng vốn góp.

Đến ngày 21/8/2019, do không thấy L tiếp tục trả tiền như đã cam kết nên chị Th và Vân đã yêu cầu L đến Văn phòng công chứng Nguyễn Thương tại phường ML, quận HĐ, Hà Nội để làm hợp đồng vay tiền với nội dung: Chị V cho L vay số tiền 6.500.000.000 đồng (Không lãi suất) trong thời hạn 40 ngày. Đến ngày 10/9/2019, L trả cho chị V 1.000.000.000 đồng, đến ngày 22/9/2019, L trả tiền 5.500.000.000 đồng. Số tiền 6.500.000.000 đồng là tiền L và chị V, chị Th thống nhất chốt lại toàn bộ số tiền gốc và lợi nhuận L cam kết trả cho chị V và chị Th.

Sau khi ký Hợp đồng vay tiền và cam kết trả tiền nêu trên, Nguyễn Thị Phương L không có tiền để trả cho chị V và chị Th nên ngày 24/12/2019, chị V và chị Th có đơn tố giác L đến Cơ quan điều tra Công an thành phố Hà Nội.

Ngày 14/11/2022, Nguyễn Thị Phương L bị Cơ quan điều tra bắt tạm giam để điều tra về hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và Làm giả con dấu tài liệu của cơ quan, tổ chức.

* *Vật chứng vụ án*: Quá trình điều tra vụ án, Cơ quan điều tra đã thu giữ các đồ vật, tài sản sau:

- Thu giữ do chị Nguyễn Ngọc M giao nộp: 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CM478406 mang tên Nguyễn Thị Phương L và toàn bộ các giấy tờ liên quan đến việc góp vốn đầu tư.

- Thu giữ do chị Lưu Thanh V giao nộp: 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ591365 mang tên Trần Thị N (Sinh năm 1995; trú tại Tập thể công trình giao thông I, tổ 34, phường TL, thành phố TB, Thái Bình). Chị V trình báo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở này là do L đưa cho chị V để đảm bảo việc góp vốn đầu tư.

Tại bản Kết luận giám định số 1276/KLGD-PC09-Đ4 ngày 20/02/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an thành phố Hà Nội, kết luận: “...*Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CM478406; Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đứng tên bà Nguyễn Thị Phương L, Năm sinh: 1978; CCCD số: 034178001356; Địa chỉ thường trú: Phường BX, thành phố TB, tỉnh Thái Bình, đề ngày 19/7/2018 là giả*”.

Tại bản Kết luận giám định số 1787/KLGD-PC09-Đ4 ngày 09/3/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an thành phố Hà Nội, kết luận: “*Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ591365; cấp cho Trần Thị N, năm sinh: 1995, CMND số: 152070765, địa chỉ thường trú: Tập thể công trình giao thông I, tổ 34, P. TL, thành phố TB, tỉnh Thái Bình, cấp ngày 14/3/2019 là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất là giả*”.

Tại Cơ quan điều tra, Công an thành phố Hà Nội, Nguyễn Thị Phương L khai: L nhận tiền của chị M, chị V và chị Th là để đầu tư bất động sản, nhận tour du lịch, bán vé máy bay...không phải là hình thức vay lãi. Sau khi L nhận tiền của chị M, chị V và chị Th thì L đã rút tiền mặt và đưa cho một đối tượng tên là Lưu Tuấn C để đầu tư kinh doanh các dự án như đã hứa hẹn với chị M, chị V và chị Th. Do đối tượng tên C đã lừa L nên L đã không có tiền trả cho các chị M, chị V và chị Th như đã cam kết. Tuy nhiên, L không cung cấp được nhân thân và số điện thoại của C.

Quá trình điều tra xác định: Ngoài số tiền dùng để trả cho chị M, chị V và chị Th, Nguyễn Thị Phương L sử dụng vào việc trả nợ cho nhiều người và dùng để chi tiêu cá nhân hết.

Chị Nguyễn Ngọc M khai: Ngoài số tiền đã chuyển khoản, chị M còn đưa tiền mặt cho L với tổng số tiền là 5.278.000.000 đồng. Tuy nhiên việc đưa tiền không có tài liệu, giấy tờ gì, không có ai chứng kiến và bản thân L cũng không

thừa nhận nên không đủ căn cứ kết luận theo lời khai của chị M.

Kết quả xác minh tại Công ty cổ phần phát triển đô thị Gia Lâm và tập đoàn Vingroup, xác định: Nguyễn Thị Phương L không ký hợp đồng, đứng tên bất động sản nào tại khu đô thị Vincity Gia Lâm, Vinhomes Cầu Rào, Vin Phú Quốc.

Đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CM478406; Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đứng tên bà Nguyễn Thị Phương L, Năm sinh: 1978; CCCD số: 034178001356; Địa chỉ thường trú: Phường BX, thành phố TB, tỉnh Thái Bình, đề ngày 19/7/2018. L khẳng định đây là mảnh đất do một người tên là Thuận sang tên cho L để gán nợ vào đầu năm 2019 do anh T1 có nợ L số tiền 2.000.000.000 đồng. L đã đến một Văn phòng công chứng ở tỉnh Khánh Hòa (Không nhớ địa chỉ) để ký hợp đồng chuyển nhượng mảnh đất trên từ T1 sang L. Sau đó, L đưa toàn bộ các giấy tờ liên quan để T1 làm thủ tục sang tên cho L. Sau khi làm xong, T1 đã gửi cho L Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất nêu trên.

Thửa đất nêu trên hiện xác định là của ông Trương Văn T2 (Sinh năm 1956; trú tại thôn BNB, xã HXT, huyện ĐH, tỉnh Phú Yên). Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và thửa đất 128, tờ bản đồ 26 hiện nay do ông T2 đang quản lý và sử dụng. Qua kiểm tra hồ sơ lưu giữ tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện VN thì thửa đất số 128, tờ bản đồ số 26 từ ngày 19/7/2018 đến nay chưa chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bất kỳ ai.

Đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ591365 mang tên Trần Thị N: L không khai nhận là đã đưa cho chị V. Chị V khai việc L đưa Giấy chứng nhận này cho chị V, tuy nhiên không có ai làm chứng. Đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên, ngoài lời khai của chị V ra, không còn tài liệu chứng cứ nào khác nên không đủ căn cứ kết luận L đã làm giả hoặc sử dụng giấy tờ, tài liệu giả. Cơ quan điều tra đã tách phần hành vi liên quan đến nội dung trên để xác minh xử lý sau.

** Trách nhiệm dân sự:* Quá trình điều tra vụ án, chị Nguyễn Ngọc M yêu cầu bị cáo Nguyễn Thị Phương L bồi thường số tiền 27.041.000.000 trong bản xác nhận nợ giữa hai người vào ngày 09/10/2019. Chị Lưu Thanh V yêu cầu bị cáo L hoàn trả số tiền 1.255.050.000 đồng. Chị Hoàng Thị Phương Th yêu cầu bị cáo L hoàn trả số tiền 1.959.000.000 đồng.

Bản án hình sự sơ thẩm số 422/2023/HS-ST ngày 15 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Phương L phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

Áp dụng: Điểm a khoản 4 Điều 174; Điểm b khoản 3 Điều 341; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 55 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Phương L 16 (Mười sáu) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 03 (Ba) năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu

của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt chung của hai tội, buộc bị cáo Nguyễn Thị Phương L phải chấp hành hình phạt 19 (Mười chín) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 15/11/2022.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm trong trường hợp chậm thi hành án, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 28/9/2023, những người bị hại có đơn kháng cáo đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Thị Phương L.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Bị hại là chị Nguyễn Ngọc M vẫn giữ nguyên kháng cáo tăng hình phạt đối với bị cáo với lý do: bị cáo không có thu nhập nào khác ngoài việc đi lừa đảo để chi tiêu, sinh hoạt; khi bị cáo lừa đảo chiếm đoạt tiền của chị thì chị đang mang thai. Do đó, bị cáo phải chịu thêm hai tình tiết tăng nặng quy định tại điểm b, i khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Quá trình điều tra, bị cáo cố tình kéo dài thời gian, gây khó khăn cho cơ quan điều tra, không bồi thường cho bị hại. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử tăng hình phạt đối với bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội trình bày quan điểm giải quyết vụ án: Mức án 03 năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” là phù hợp, tương xứng với hành vi của bị cáo, mặt khác, khách thể của tội này là trật tự quản lý hành chính nên các bị hại không có quyền kháng cáo về tội này. Về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản: Bị cáo khai bị cáo cũng là nạn nhân của người khác mặc dù không chứng minh được; bị cáo đã trả được số tiền lớn cho các bị hại nên bị cáo chỉ bị quy kết số tiền 10 tỷ đồng, mức án 16 năm tù là phù hợp. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của các bị hại, giữ nguyên mức hình phạt như bản án sơ thẩm đã tuyên.

Luật sư T3 bào chữa cho bị cáo: Nhất trí quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát, bị cáo bị xử phạt ở mức án cao, tuy nhiên cũng đề nghị bị cáo liên hệ với gia đình để thu xếp bồi thường cho các bị hại bởi nếu bị cáo không bồi thường thì không có cơ hội được giảm án trong quá trình thi hành án.

Bị cáo trình bày: Nhất trí với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát và Luật sư. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo là đúng người, đúng tội nên bị cáo không kháng cáo. Bị cáo rất ân hận về hành vi của mình, do hoàn cảnh gia đình của bị cáo khó khăn, hiện không còn tài sản gì để bồi thường cho bị hại nên mong Hội đồng xét xử giữ nguyên mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm để bị cáo sớm được trở về đi làm để kiếm tiền trả cho các bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng tại cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của

Bộ luật Tố tụng hình sự. Những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Kháng cáo của các bị hại Nguyễn Ngọc M, Lưu Thanh V và Hoàng Thị Phương Th hợp lệ, được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa, vắng mặt các bị hại Lưu Thanh V, Hoàng Thị Phương Th nhưng đã có đơn xin xử vắng mặt, do đó căn cứ Điều 351 Bộ luật tố tụng Hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt hai bị hại V, Th theo thủ tục chung.

[2] Về hành vi phạm tội: Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của các bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, vật chứng, kết quả giám định, các tài liệu có trong hồ sơ và kết quả tranh tụng có đủ cơ sở kết luận: Bị cáo Nguyễn Thị Phương L đã giới thiệu với nhiều người mình đang là Giám đốc của Công ty TNHH MTV An Vạn Lộc và đưa ra các thông tin gian dối về việc công ty của bị cáo có nhiều dự án đầu tư bất động sản liên quan đến hệ thống Vingroup với hình thức đầu tư nhanh và lợi nhuận lớn để kêu gọi đầu tư, góp vốn cùng với bị cáo để hưởng lợi nhuận nhằm mục đích chiếm đoạt tiền. Để thực hiện việc chiếm đoạt, bị cáo Nguyễn Thị Phương L đã nhận tiền của các bị hại sau đó sử dụng quay vòng để trả một phần gốc và lãi cho chính những người góp vốn. Đồng thời bị cáo còn làm giả 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CM478406 mang tên Nguyễn Thị Phương L để làm tài sản thế chấp việc đầu tư, góp vốn. Trong khoảng thời gian từ ngày 03/01/2019 đến tháng 7/2019, bị cáo Nguyễn Thị Phương L đã chiếm đoạt của chị Nguyễn Ngọc M số tiền 7.079.300.000 đồng, chiếm đoạt của chị Hoàng Thị Phương Th số tiền 1.959.000.000 đồng và chiếm đoạt của chị Lưu Thanh V số tiền 1.255.050.000 đồng. Tổng số tiền bị cáo Nguyễn Thị Phương L chiếm đoạt của các bị hại là 10.293.350.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Nguyễn Thị Phương L về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 và tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo điểm b khoản 3 Điều 341 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, xâm phạm trật tự quản lý hành chính của Nhà nước; gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội. Do đó, cần có mức hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo để giáo dục, cải tạo bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

[4] Xét kháng cáo đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo của các bị hại: Quá tình điều tra, xét xử tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo không có tiền án, tiền sự; bị cáo phạm tội nhiều lần. Khi lượng hình, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Về mức hình phạt đối với bị cáo, Hội đồng xét xử thấy:

[4.1] Về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”: Bị cáo phạm tội nhiều lần, chiếm đoạt của ba bị hại tổng số tiền chiếm đoạt 10.293.350.000 đồng là số tiền đặc biệt lớn; quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo chưa bồi thường khắc phục hậu quả nên mặc dù bị cáo thành khẩn khai báo nhưng mức án 16 năm tù là nhẹ, chưa tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, chưa bảo đảm tính nghiêm minh của pháp luật nên có căn chấp nhận kháng cáo của các bị hại, tăng hình phạt đối với bị cáo về tội này. Việc bị hại đề nghị áp dụng các tình tiết tăng nặng quy định tại điểm b, i khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự là không có căn cứ, bởi lẽ: không căn cứ để cho rằng bị cáo chuyên sống bằng nguồn thu nhập từ việc phạm tội; mặc dù chị M mang thai khi bị cáo thực hiện hành vi phạm tội tuy nhiên hành vi của bị cáo không trực tiếp xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của chị M.

[4.2] Đối với kháng cáo đề nghị tăng hình phạt của các bị hại về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”, Hội đồng xét xử thấy: Tội này có khách thể là trật tự quản lý hành chính nên các bị hại không có quyền kháng cáo đối với tội này. Mặt khác, bị cáo chỉ bị quy kết về việc làm giả, sử dụng đối với một Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bị cáo, mức án 03 năm tù mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên về tội này là phù hợp.

[5] Về án phí phúc thẩm: Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm a khoản 2 Điều 357 Bộ luật tố tụng Hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, xử: Chấp nhận kháng cáo của các bị hại là chị Nguyễn Ngọc M, Lưu Thanh V, Hoàng Thị Phương Th, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 422/2023/HSST ngày 15 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội về phần hình phạt đối với tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, cụ thể:

1. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; Điểm b khoản 3 Điều 341; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 55 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Phương L 17 (Mười bảy) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 03 (Ba) năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Nguyễn Thị Phương L phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 20 (Hai mươi) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 15/11/2022.

2. Về án phí: Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ 1 – TANDTC;
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- Tòa án nhân dân TP. Hà Nội;
- Cục THADS TP. Hà Nội;
- Trại tạm giam CA TP. Hà Nội;
- Bị cáo (qua trại);
- Các bị hại (theo địa chỉ);
- Lưu HS; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Xuân Thảo